

Đề thi giữa kì 1 Tiếng Việt lớp 4 Số 1

Mạch kiến thức, kĩ năng	Số câu, Số điểm	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Tổng
Kiến thức Tiếng Việt: - Hiểu nghĩa và sử dụng được một số từ ngữ thuộc các chủ điểm đã học... - Tìm được các danh từ riêng trong bài. - Tác dụng của dấu hai chấm - Nắm được các kiểu câu đã học... - Nhận biết và cảm nhận được cái hay của những câu văn sử dụng từ láy,...	Số câu	1 Câu 10	2 Câu 6;9	2 Câu 7;8		5
	Số điểm	0,5	1,5	2		4
Đọc hiểu văn bản: - Xác định được hình ảnh, chi tiết có ý nghĩa trong bài đọc. - Hiểu nội dung của đoạn, bài đã đọc, hiểu ý nghĩa của bài. - Giải thích được chi tiết trong bài bằng suy luận trực tiếp hoặc rút ra từ bài đọc. - Nhận xét được hình ảnh, chi tiết trong bài đọc; biết liên hệ những điều đã đọc được với bản thân và thực tế.	Số câu	3 Câu 1;2;3	1 Câu 4		1 Câu 5	5
	Số điểm	1,5	0,5		1	3
Tổng	Số câu	4	3	2	1	10
	Số điểm	2	2	2	1	7

**MA TRẬN CÂU HỎI ĐỀ KIỂM TRA MÔN TIẾNG VIỆT GIỮA HỌC
KÌ 1 LỚP 4
Năm học 2022 - 2023**

TT	Chủ đề		Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Độc hiểu văn bản	Số câu	2	1	1					1	5
		Câu số	1, 2	3	4					8	
2	Kiến thức Tiếng Việt	Số câu	1		2		1	1			5
		Câu số	10		5;9		6	7			
Tổng số câu			3	1	3		1	1		1	10

ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KỲ I
Năm học 2022 - 2023

Trường Tiểu học.....

MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

A. BÀI KIỂM TRA ĐỌC: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (3 điểm)

II. Đọc thầm và làm bài tập: (7 điểm) (40 phút)

Tình bạn

Thỏ và Sóc rủ nhau vào rừng hái quả. Mùa thu, hương rừng thơm phức hương quả chín. Ở trên một cây cao chót vót, Thỏ reo lên sung sướng :

- Ôi chùm quả chín vàng mọng kìa, ngon quá !

Thấy chùm quả vắt vẻo cao tít, Sóc vội vàng ngăn bạn :

- Cậu đừng lấy, nguy hiểm lắm.

Nhưng Thỏ đã men ra. Nó cố vói. Trượt chân, Thỏ ngã nhào. Sóc nhanh nhẹn túm được áo Thỏ còn tay kia kịp vói được một cành cây nhỏ nên cả hai bị treo lơ lửng trên không chứ không bị rơi xuống khe núi đầy đá nhọn. Cành cây cong gập hẳn lại.

Sóc vẫn cố sức giữ chặt áo Thỏ. Tiếng răng rắc trên cành cây càng kêu to hơn.

- Cậu bỏ tớ ra đi kẻo cậu cũng bị rơi theo đấy.

Thỏ nói với Sóc rồi khóc òa.

- *Tớ không bỏ cậu đâu.*

Sóc cương quyết.

Bác Voi cao lớn đang làm việc gần đấy nghe tiếng kêu cứu chạy tới. Bác vươn mình đưa chiếc vôi dài đỡ được cả hai xuống an toàn. Bác âu yếm khen :

- *Các cháu có một tình bạn thật đẹp.*

Theo Hà Mạnh Hùng

Đọc thầm bài Tình bạn sau đó khoanh vào chữ cái đặt trước ý trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi dưới đây:

Câu 1. Thỏ và Sóc rủ nhau vào rừng làm gì? (M1)

- A. rủ nhau vào rừng hái hoa.
- B. rủ nhau vào rừng hái quả.
- C. rủ nhau vào rừng tìm bạn.

Câu 2. Khi Thỏ bị trượt chân ngã, Sóc đã làm gì? (M1)

- A. vội vàng ngăn Thỏ.
- B. túm lấy áo Thỏ và cương quyết không bỏ rơi bạn.
- C. cùng với Thỏ túm lấy cành cây.

Câu 3. Khi Thỏ bị ngã nhào, Thỏ nói với Sóc câu gì? Hãy ghi lại câu nói đó: (M1)

Câu 4. Việc làm của Sóc nói lên điều gì? (M2)

- A. Sóc là người bạn rất khỏe.
- B. Sóc là người bạn chăm chỉ.
- C. Sóc là người sẵn sàng quên bản thân mình để cứu bạn.

Câu 5. Câu chuyện Tình bạn có nội dung là gì? (M4)

Câu 6. Bài Tình bạn có mấy danh từ riêng chỉ các loài vật? (M2)

- A. 2 danh từ riêng. Đó là.....
- B. 3 danh từ riêng. Đó là.....
- C. 4 danh từ riêng. Đó là.....

Câu 7. Dòng nào dưới đây đều là các từ láy ? (M3)

- A. thân thiết, chót vót, cành cây, răng rắc.
- B. sung sướng, vất vẻo, cành cây, răng rắc.
- C. nhanh nhẹn, vất vẻo, lơ lửng, răng rắc.

Câu 8. Dấu hai chấm trong câu “**Thấy chùm quả vất vẻo cao tít, Sóc vội vàng ngăn bạn:**

- **Cậu đừng lấy, nguy hiểm lắm.**” có tác dụng gì? (M3)

Câu 9. Dòng nào sau đây là các từ ghép có nghĩa tổng hợp. (M2)

- A. xe cộ, phố phường, ruộng vườn, bãi bờ, bạn bè, xóm làng.
- B. xe máy, phố phường, ruộng vườn, bãi bờ, bạn bè, xóm làng.
- C. xe cộ, phố phường, đường làng, bãi bờ, bạn bè, xóm làng.

Câu 10. Bộ phận gạch chân trong câu **Thỏ và Sóc rủ nhau vào rừng hái quả** trả lời cho câu hỏi nào? (M1)

- A. thế nào?
- B. làm gì?
- C. là gì?

II. KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

1. Chính tả (Nghe – viết) (2 điểm - 20 phút):

Trung thu độc lập

Ngày mai, các em có quyền mơ tưởng một cuộc sống tươi đẹp vô cùng. Mười mười lăm năm nữa thôi, các em sẽ thấy cũng dưới ánh trăng này, dòng thác nước đổ xuống làm chạy máy phát điện; ở giữa biển rộng, cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên những con tàu lớn. Trăng của các em sẽ soi sáng những ống khói nhà máy chi chít, cao thẳm rải trên đồng lúa bát ngát vàng thơm, cùng với nông trường to lớn, vui tươi.

2. Tập làm văn: (8 điểm) - 30 phút:

Đề bài: Nhân dịp sinh nhật, em hãy viết thư cho một người thân ở xa (ông bà, thầy cô giáo cũ, bạn cũ,...) để thăm hỏi và chúc mừng.

Đáp án:

I. KIỂM TRA ĐỌC: (10 điểm)

1. Kiểm tra đọc thành tiếng: (3 điểm)

Mỗi học sinh đọc đúng, rõ ràng và diễn cảm một đoạn văn hoặc khổ thơ với tốc độ khoảng 75 tiếng/phút trong các bài tập đọc đã học từ Tuần 1 đến Tuần 8 (Sgk Tiếng Việt 4 – Tập 1) do HS bốc thăm. (2 điểm)
Trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung đoạn đã đọc theo yêu cầu của giáo viên. (1 điểm)

2. Kiểm tra đọc - hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng Việt: (7 điểm)

1. Chính tả (2 điểm)

Bài viết: (Nghe- viết) trong thời gian 15 phút bài **Trung thu độc lập** (SGK Tiếng Việt 4 tập 1- Trang 66).Viết từ “ngày mai nông trường to lớn vui tươi”.

Yêu cầu:

Tốc độ đạt yêu cầu; chữ viết rõ ràng, viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ; trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp: 1 điểm

Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi): 1 điểm

2. Tập làm văn: (8 điểm)

- Yêu cầu: Thể loại: Văn viết thư

Nội dung: Nhân dịp sinh nhật, em hãy viết thư cho một người thân ở xa (ông bà, thầy cô giáo cũ, bạn cũ,...) để thăm hỏi và chúc mừng.

- Bài có đủ 3 phần:

Phần đầu thư (1 điểm)

Phần chính (4 điểm)

* Nội dung: 1.5 điểm

* Kỹ năng: 1.5 điểm

* Cảm xúc: 1 điểm

Phần cuối thư (1 điểm)

Chữ viết, chính tả: 0.5 điểm

Dùng từ, đặt câu: 0.5 điểm

Sáng tạo: 1 điểm

- Cụ thể:

Viết được bài văn viết thư theo đúng yêu cầu đề bài. Bài làm có đủ bố cục 3 phần: phần đầu thư, phần chính, phần cuối thư. Viết đúng kiểu bài văn viết thư, lời văn mạch lạc, trong sáng, bộc lộ được cảm xúc, tình cảm trong khi viết,...

Viết câu đúng ngữ pháp, dùng từ đúng, không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng sạch sẽ.

Bài viết sáng tạo, giàu hình ảnh, câu văn hay đặc sắc,...

---> HS viết được bài văn theo yêu cầu trên đạt: 8 điểm

Cũng với yêu cầu bố cục trên, nếu HS viết câu văn không sai ngữ pháp, dùng từ đúng, chữ viết rõ ràng, sạch sẽ : tùy theo mức độ sai sót về ý, cách diễn đạt và chữ viết, có thể cho mức điểm: 7 - 7.5; 6 - 6.5; 5 - 5.5; 4; ...

Lưu ý: Điểm toàn bài = (Điểm đọc + điểm viết) : 2.

Làm tròn 0,5 lên 1 điểm.

Đề thi giữa kì 1 Tiếng Việt lớp 4 Số 2

A. Kiểm tra Đọc

I. Đọc thành tiếng

Học sinh đọc một đoạn văn thuộc một trong các bài sau và trả lời 1 hoặc 2 câu hỏi về nội dung bài đọc do giáo viên nêu.

1. Dế Mèn bênh vực kẻ yếu

(Đoạn từ “Tôi cất tiếng ... giã gạo.”, sách TV4, tập 1 - trang 15)

2. Nỗi dẫn vật của An- đrây- ca

(Đoạn từ “An-đrây-ca lên chín ... mang về nhà .”, sách TV4, tập 1 - trang 55)

3. Trung thu độc lập

(Đêm nay, ... tới ngày mai.”, sách TV4, tập 1 - trang 66)

4. Nếu chúng mình có phép lạ

(4 khổ thơ đầu, sách TV4, tập 1 - trang 76)

II . Đọc hiểu: (7 điểm).

Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi:

LỜI CẢM ƠN

Thằng bé mồ côi cha mẹ có đôi mắt màu nhạt, hai gò má nhem nhuốc và mái tóc đen rối bù nhìn tôi.

- Ông ơi, cháu đói quá!

Tôi dẫn nó vào một tiệm giải khát.

- Cháu hãy chọn một món gì đó để ăn đi. - Tôi nói .

Thằng bé chạy đến quầy hàng và chọn một cái bánh mì. Thường ngày bọn trẻ đường phố xin được khách hàng mua cho cái bánh rồi sẽ bỏ đi ngay, mà người ta cũng không muốn cho chúng ở lại vì trông chúng rách rưới và bẩn thỉu. Nhưng thằng bé này lại làm tôi ngạc nhiên.

Tôi bắt đầu uống cà phê của mình và khi tôi uống xong, trả tiền, tôi nhìn ra cửa mới phát hiện ra nó đứng ở ngoài cửa, tay cầm bánh mì, mắt dí vào cửa kính, quan sát.

"Nó làm cái quái gì thế?!" - Tôi nghĩ.

Tôi đi ra, nó nhìn thấy tôi và chạy đến. Nó ngược nhìn tôi, mỉm cười và nói: "Cảm ơn ông! " Rồi, như sợ tôi nghe không rõ, nó nói to hơn: "Cảm ơn ông nhiều lắm ạ! " Trước khi tôi nói được câu gì, nó đã quay người bỏ chạy đi mất.

Tôi xúc động và nhớ hoài lời cảm ơn của một cậu bé đường phố vì một mẫu bánh mì.

(Sưu tầm)

Câu 1. Cậu bé trong bài là:

- A. trẻ em khuyết tật.
- B. khách du lịch.
- C. trẻ em Tiểu học .
- D. trẻ em đường phố.

Câu 2. Ghi lại câu văn tả ngoại hình cậu bé.

.....
...
Câu 3. Sau khi nhận được bánh mì, cậu bé đã:

- A. bỏ đi luôn, không nói gì như những đứa trẻ đường phố khác.
- B. đứng ngoài cửa hàng chờ gặp khách để nói lời cảm ơn.

Câu 4. Nhận xét về nhân vật “Người ông” trong bài:

- A. Người ông trong bài cho em bé thức ăn khi em đói.
- B. Người ông không muốn cậu bé đến gần mình vì cậu bẩn thỉu.
- C. Người ông ngạc nhiên và xúc động vì cậu bé biết nói lời cảm ơn.
- D. Người ông trong bài không quan tâm đến trẻ em đường phố.

Câu 5. Em rút ra được bài học gì qua câu chuyện này.

Câu 6. Tìm và ghi lại 2 từ láy có trong bài đọc thêm.

Câu 7. Trong câu: Nó ngược nhìn tôi, mỉm cười và nói: "Cảm ơn ông!" có:

- A. 1 từ phức , đó là.....
- B. 2 từ phức, đó là.....
- C. 3 từ phức, đó là.....
- D. 4 từ phức, đó là.....

Câu 8. Từ cùng nghĩa với từ trung thực là từ.....

Đặt câu với từ tìm được:

B. Kiểm tra Viết

I. Chính tả (Nghe đọc) Thời gian: 15 phút

Bài “Đôi giày ba ta màu xanh” (Sách Tiếng Việt 4, tập 1, trang 81)

Viết đầu bài và đoạn “Sau này làm công tác ... buổi đầu cậu đến lớp.”

II. Tập làm văn: Thời gian: 40 phút

Đề bài: Chọn 1 trong các đề sau:

a. Em hãy viết thư cho người thân hoặc bạn của em đang ở xa để thăm hỏi và kể về ước mơ của em cho người thân biết.

b. Em hãy viết thư cho người thân hoặc bạn của em đang ở xa để thăm hỏi và kể một việc tốt mà em đã làm.

Đáp án:

A. Kiểm tra Đọc

I. Đọc thành tiếng: (3 điểm)

II. Đọc thầm và làm bài tập (7 điểm)

Mỗi câu đúng được: 0,5 điểm

Câu 1. D

Câu 2. Thằng bé mồ côi cha mẹ có đôi mắt màu nhạt, hai gò má nhem nhuốc và mái tóc đen rối bù nhìn tôi.

Câu 3. B. đứng ngoài cửa hàng chờ gặp khách để nói lời cảm ơn.

Câu 4. A,C

Câu 5. Học sinh diễn đạt theo sự hiểu của mình, chấp nhận ý đúng của trẻ.

Tham khảo: - Chúng ta cần yêu thương, giúp đỡ trẻ em đường phố thực phẩm khi trẻ em đói.

Hoặc: - Tất cả mọi người dù lớn hay nhỏ cũng cần biết nói lời cảm ơn khi được người khác giúp đỡ.

Hoặc: - Lời nói cảm ơn chân thành luôn làm người khác xúc động. Đó là nếp sống văn Minh.

Câu 6. Các từ láy là: nhem nhuốc, rách rưới

Câu 7. 2 từ phức, đó là: cảm ơn, mỉm cười.

Câu 8. Từ cùng nghĩa với từ trung thực là từ thật thà, ngay thẳng, chân thật, chính trực....

Tham khảo: Bạn Lan là học sinh thật thà.

B. Kiểm tra Viết

I. Chính tả (Nghe đọc) Thời gian: 15 phút

Bài “Đôi giày ba ta màu xanh” (Sách Tiếng Việt 4, tập 1, trang 81)

Viết đầu bài và đoạn “Sau này làm công tác ... buổi đầu cậu đến lớp.”

Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày sạch đẹp: 5 điểm.

Mỗi lỗi chính tả trong bài viết (sai - lẫn phụ âm đầu hoặc vần, thanh; không viết hoa đúng qui định) bị trừ 0,5 điểm.

II. Tập làm văn: Thời gian: 40 phút

1. YÊU CẦU:

a. Thể loại: Viết thư

b. Nội dung:

- Học sinh viết được bức thư theo đúng yêu cầu của đề bài.

- Bức thư gồm đủ 3 phần:

+ Phần đầu thư:

• Địa điểm, thời gian viết thư.

• Lời thưa gửi.

+ Phần chính:

• Giới thiệu bản thân rồi nêu mục đích, lí do viết thư.

• Thăm hỏi tình hình của người nhận thư.

• Kể về việc học tập hoặc kể về ước mơ hoặc kể về một việc tốt mà em đã làm.

+ Phần cuối thư:

• Lời chúc, lời hứa hẹn.

• Tên hoặc họ tên.

c. Hình thức:

- Bố cục rõ ràng, cân đối.

- Dùng từ chính xác, giản dị, trong sáng, xưng hô đúng vai.

- Viết câu đúng ngữ pháp, đúng chính tả, biết dùng từ gọi tả, từ ngữ sinh động.
- Lời văn tự nhiên, diễn đạt thành câu lưu loát.
- Trình bày bài làm sạch sẽ, chữ viết rõ ràng..

2. BIỂU ĐIỂM:

- Điểm 4,5 - 5: Bài làm hay, lời văn sinh động, giàu cảm xúc, hành văn tự nhiên, câu văn mạch lạc, trôi chảy, lỗi chung không đáng kể.
- Điểm 3,5 - 4: Học sinh thực hiện các yêu cầu ở mức độ khá; đôi chỗ còn thiếu tự nhiên, không quá 6 lỗi chung.
- Điểm 2,5 - 3: Các yêu cầu thể hiện ở mức trung bình, viết văn dưới dạng liệt kê các ý, câu văn chưa gọn gàng, ý lủng củng, nội dung sơ sài hoặc dàn trải, đơn điệu, không quá 8 lỗi chung.
- Điểm 1,5 - 2: Bài làm bộc lộ nhiều sai sót, bố cục chưa đầy đủ, sắp xếp ý còn lộn xộn, diễn đạt lủng củng, vụng về, dùng từ không chính xác.
- Điểm 0,5 - 1: Viết lan man, lạc đề hoặc dở dang.

Đề thi giữa kì 1 Tiếng Việt lớp 4 Số 3

A. Kiểm tra Đọc

I. Đọc thành tiếng: (5 điểm)

Bài đọc: Có chí thì nên

(SGK Tiếng Việt 4, tập 1, trang 108)

- Đọc đúng, mạch lạc, trôi chảy.
- Trả lời câu hỏi sách giáo khoa trang 109.

II. Đọc hiểu: (5 điểm)

- Bài đọc: Ông Trọng thả điều

(SGK Tiếng Việt 4, tập 1, trang 104)

- Làm bài tập: Chọn câu trả lời đúng nhất.

Câu 1: Lúc nhỏ Nguyễn Hiền có sở thích gì nhất?

A. Chơi bi.

B. Thả điều.

C. Đá bóng.

D. Các ý trên đều sai.

Câu 2: Những chi tiết nào nói lên sự thông minh của Nguyễn Hiền?

A. Đọc đến đâu hiểu ngay đến đó.

B. Có trí nhớ lạ thường.

C. Có hôm, chú thuộc hai mươi trang sách mà vẫn có thời giờ chơi thả điều.

D. Tất cả các ý trên đều đúng.

Câu 3: Nguyễn Hiền ham học và chịu khó như thế nào?

A. Vì nghèo không được học nên đứng ngoài để nghe giảng nhờ.

B. Đợi bạn học thuộc bài rồi mượn vở của bạn về học.

C. Không có vở, Nguyễn Hiền tận dụng lưng trâu hoặc nền cát, bút là ngón tay hay mảnh gạch vỡ, còn đèn là vở trụng thả đom đóm vào trong. Bài thi làm trên lá chuối khô và nhờ bạn xin thầy chấm hộ.

D. Tất cả ý trên.

Câu 4: Câu tục ngữ nào nêu đúng ý nghĩa của câu chuyện trên?

A. Có chí thì nên.

B. Giấy rách phải giữ lấy lề.

C. Máu chảy, ruột mềm.

D. Thẳng như ruột ngựa.

Câu 5: Từ nào dưới đây là động từ?

A. Học.

B. Đèn.

C. Tốt.

D. Hay.

B. Kiểm tra Viết

I. Chính tả (Nhớ – viết): (5 điểm)

Bài viết: **Nêu chúng mình có phép lạ**

(SGK Tiếng Việt 4, tập 1, trang 76).

II. Tập làm văn: (5 điểm)

Kể lại câu chuyện Ông Trọng thả điều bằng lời kể của Nguyễn Hiền.

Đáp án:

A. Kiểm tra Đọc

I. Đọc thành tiếng: (5 điểm)

- Đọc đúng tiếng, từ: 2 điểm (Đọc sai dưới 3 tiếng: 1,5 điểm; đọc sai từ 3 đến 5 tiếng: 1 điểm; đọc sai từ 6 đến 10 tiếng: 0,5 điểm; đọc sai trên 10 tiếng: không cho điểm).

- Ngắt nghỉ hơi đúng dấu câu (có thể mắc lỗi về ngắt nghỉ hơi ở 1 hoặc 2 dấu câu): 1 điểm; (không ngắt nghỉ hơi đúng ở 3 đến 4 dấu câu: 0,5 điểm; không ngắt nghỉ hơi đúng ở 5 dấu câu trở lên: không có điểm).

- Tốc độ đọc đạt yêu cầu: 1 điểm (đọc quá 1 phút đến 2 phút: 0,5 điểm; đọc quá 2 phút, phải đánh vần nhảm: không có điểm).

- Trả lời đúng ý câu hỏi: 1 điểm (trả lời chưa đủ ý hoặc hiểu câu hỏi nhưng diễn đạt còn lúng túng, chưa rõ ràng: 0,5 điểm; không trả lời được hoặc trả lời sai ý: không có điểm).

II. Đọc hiểu: (5 điểm). Học sinh thực hiện đúng mỗi câu được 1 điểm.

Câu 1: B

Câu 2: D

Câu 3: D

Câu 4: A

Câu 5: A

B. Kiểm tra Viết

I. Chính tả: (5 điểm)

- Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày đúng đoạn văn (thơ): 5 điểm. Mỗi lỗi chính tả trong bài viết (sai phụ âm đầu, vần, thanh hoặc viết hoa không đúng quy định): trừ 0,5 điểm.

- Nếu chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao, khoảng cách, kiểu chữ, trình bày bản,... thì bị trừ 1 điểm toàn bài.

Lưu ý: Tất cả các đề còn lại cũng chấm theo thang điểm trên.

II. Tập làm văn: (5 điểm)

- Viết đủ ý, diễn đạt mạch lạc, viết câu đúng ngữ pháp: 5 điểm

Bài mẫu:

Tôi là Nguyễn Hiền, người làng Dương Miện, tỉnh Hà Nam. Tôi được sinh ra và lớn lên trong một gia đình nghèo ở vùng nông thôn. Năm lên sáu tuổi, cha mẹ tôi cho đi học ở trường làng. Tôi thích lắm. Không những thích học mà còn thích thả diều nữa. Có lần, tôi cùng những đứa trẻ nghèo đi chăn trâu, tôi tranh thủ thả diều và bị thầy giáo thấy được. Hôm sau, thầy giáo gọi tôi để kiểm tra bài. Tôi đọc thuộc lâu lâu hơn hai mươi trang sách. Thầy giáo rất ngạc nhiên.

Việc học của tôi là thế nhưng vì nhà nghèo nên tôi phải nghỉ học. Tôi nhớ lớp, nhớ thầy, thèm được đi học như các bạn trạc tuổi tôi. Tôi nghĩ cách học lén. Ban ngày, đi chăn trâu, tôi tranh thủ nấp ngoài cửa lớp nghe thầy giảng bài. Tôi đến, đợi các bạn học xong, tôi mượn vở về học. Tôi cũng đèn sách như ai nhưng vở của tôi là lưng trâu hay nền cát, bút là ngón tay, cành cây, hoặc mảnh gạch vụn. Đèn của tôi là vỏ trứng thả đom đóm vào trong. Vừa chăn trâu vừa học, vừa thả diều vừa học nhưng kiến thức của tôi không thua kém gì các bạn được học hành tử tế. Bạn làm, bạn học như thế nhưng cánh diều của tôi vẫn bay cao trong vũ trụ, tiếng sáo diều vẫn vi vút trên bầu trời rộng khôn cùng. Tôi vui sướng nhìn cánh diều do tự tay tôi làm nên đang bay bổng trên cao.

Năm tôi mười ba tuổi, nhà vui mở khoa thi chọn người tài. Một hôm, tôi cùng các bạn đang thả diều ngoài đồng, thầy giáo trong làng tìm tôi và bảo:

- Thầy biết con có chí và học giỏi. Tuy nhà nghèo nhưng con rất hiếu học. Con hãy tham gia cuộc thi này! Đất nước đang cần những người tài giỏi.

Tôi ngạc nhiên và do tự thì thầy giáo nói tiếp:

- Thầy hiểu hoàn cảnh của con, thầy sẽ giúp con mọi thứ để con an tâm bước vào kì thi này.

Thế là tôi tạm biệt cha mẹ, thầy giáo và bạn bè để lên kinh đô ứng thí. Tôi dự thi và đỗ Trạng Nguyên, được ghi vào sổ sách là “Trạng Nguyên trẻ nhất nước Nam”.

Từ thành công đó, tôi muốn nhắn gửi các bạn một điều:

“Có chí thì nên – Có công mài sắt có ngày nên kim.”

Đề thi giữa học kì 1 lớp 4 năm 2019

[Bộ đề thi giữa học kì 1 môn Toán lớp 4 năm 2019 - 2020](#)

[Đề thi giữa học kì 1 môn Toán lớp 4 năm 2019 - 2020](#)

[Đề thi giữa học kì 1 môn Toán lớp 4 năm 2019 - 2020 - Đề 2](#)

[Bộ đề ôn thi giữa học kì 1 môn Toán lớp 4 năm 2019 - 2020](#)

[Bộ đề thi giữa học kì 1 môn Tiếng Việt lớp 4 năm 2019 - 2020](#)

[Đề thi giữa học kì 1 môn Tiếng Việt lớp 4 năm 2019 - 2020](#)

Đề thi giữa kì 1 Tiếng Việt lớp 4 Số 4

A. Kiểm tra Đọc

I. Đọc thành tiếng:

Giáo viên cho học sinh bốc thăm, sau đó các em sẽ đọc thành tiếng (mỗi học sinh đọc một đoạn hoặc cả bài trong sách giáo khoa Tiếng Việt 4, tập 1 khoảng: 1 phút 30 giây – 1 phút 50 giây) và trả lời câu hỏi do giáo viên chọn theo nội dung được quy định sau:

Bài 1: "Đế mèn bênh vực kẻ yếu"; đọc đoạn "Từ trong hốc đá,.....quang hắt." (trang 15).

Bài 2: "Người ăn xin"; đọc đoạn: "Trên người tôi của ông lão." (trang 30 và 31)

Bài 3: "Đôi giày ba ta màu xanh"; đoạn: "Sau này..., nhảy tung tung." (trang 81)

- Thời gian kiểm tra:

Đọc thầm, trả lời câu hỏi và bài tập trên giấy: 30 phút.

Đọc thành tiếng: tùy theo tình hình từng lớp, giáo viên tổ chức cho các em kiểm tra và chấm ngay tại lớp.

II. Đọc thầm, trả lời câu hỏi và bài tập:

BÀN TAY NGƯỜI NGHỆ SĨ

Ngay từ nhỏ, Trương Bạch đã rất yêu thiên nhiên. Lúc nhàn rỗi, cậu nặn những con giống bằng đất sét trông y như thật.

Lớn lên, Trương Bạch xin đi làm ở một cửa hàng đồ ngọc. Anh say mê làm việc hết mình, không bao giờ chịu dừng khi thấy những chỗ cần gia công tinh tế mà mình chưa làm được. Sự kiên nhẫn của Trương Bạch khiến người dạy nghề cũng phải kinh ngạc.

Một hôm có người mang một khối ngọc thạch đến và nhờ anh tạc cho một pho tượng Quan Âm. Trương Bạch tự nhủ sẽ gắng công tạc nên một tác phẩm tuyệt trần, mỹ mãn.

Pho tượng làm xong, quả là một tác phẩm trác tuyệt. Từ dung mạo đến dáng vẻ của Quan Âm đều toát lên sự ung dung và cực kì mỹ lệ. Điều vô cùng lí thú là pho tượng sống động đến lạ lùng, giống như một người sống vậy. Nếu đi một vòng xung quanh pho tượng, đôi mắt Quan Âm như biết nhìn theo. Hiển nhiên đây là điều không thể tưởng tượng nổi.

(Sưu tầm)

Dựa vào nội dung bài đọc, hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước ý trả lời đúng nhất và hoàn thành tiếp các bài tập:

Câu 1: Từ nhỏ, Trương Bạch đã có niềm yêu thích, say mê gì?

- A. Đất sét
- B. Thiên nhiên
- C. Đồ ngọc

Câu 2: Điều gì ở Trương Bạch khiến người dạy nghề cũng phải kinh ngạc?

- A. Sự kiên nhẫn
- B. Sự chăm chỉ
- C. Sự tinh tế

Câu 3: Pho tượng Quan Âm có điều gì khiến người ta không thể tưởng tượng nổi?

- A. Từ dung mạo đến dáng vẻ của Quan Âm đều toát lên sự ung dung và cực kì mỹ lệ.
- B. Pho tượng sống động đến lạ lùng, giống như một người sống vậy.

C. Nếu đi một vòng xung quanh pho tượng, đôi mắt Quan Âm như biết nhìn theo.

D. Cả 3 ý trên

Câu 4: Theo em, bài đọc "Bàn tay người nghệ sĩ" thuộc chủ điểm nào đã học?

A. Trên đôi cánh ước mơ

B. Măng mọc thẳng

C. Có chí thì nên

Câu 5: Gạch chân bộ phận vị ngữ trong câu sau:

Lúc nhàn rồi, cậu nặn những con giống bằng đất sét trông y như thật.

Câu 6: Ghi lại các động từ, tính từ trong câu sau:

Cành đào nở hoa cho sắc xuân thêm rực rỡ, ngày xuân thêm tung bừng.

Các động từ:.....

Các tính từ

Câu 7: Tìm một từ trái nghĩa với từ "quyết chí"

.....

.....

B. Kiểm tra Viết

I. Chính tả: (5 điểm)

Nghe - viết: Bài Thư thăm bạn (Tiếng Việt lớp 4, tập 1, trang 25, 26)

Từ: Mình tin rằng ... đếnQuách Tuấn Lương

II. Tập làm văn: (5 điểm)

Đề: Tả một đồ dùng học tập mà em yêu thích.

Đáp án:

A. Kiểm tra Đọc

I. Đọc thành tiếng: (5 điểm)

Có thể phân ra các yêu cầu sau:

1/ Đọc đúng tiếng, đúng từ

Đọc sai từ 2 đến 4 tiếng :0,5 điểm; đọc sai quá 5 tiếng: 0 điểm

2/ Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa: 1,0 điểm

Ngắt nghỉ hơi không đúng từ 2 đến 3 chỗ: 0,5 điểm

Ngắt nghỉ hơi không đúng từ 4 chỗ trở lên: không ghi điểm

3/ Giọng đọc bước đầu có biểu cảm

Giọng đọc chưa thể hiện rõ tính biểu cảm: 0,5 điểm

Giọng đọc không thể hiện rõ tính biểu cảm: không ghi điểm

4/ Tốc độ đọc: đạt tốc độ quy định

Nếu thời gian mỗi lần đọc vượt hơn so với quy định là 1 phút: ghi 0,5 điểm;

Đọc trên 1 phút: không ghi điểm.

5/ Trả lời đúng câu hỏi do giáo viên nêu: 1,0 điểm

Trả lời chưa đủ ý hoặc diễn đạt chưa rõ ràng: ghi 0,5 điểm

II. Đọc thầm, trả lời câu hỏi và bài tập: (5 điểm)

Câu 1: B

Câu 2: A

Câu 3: D

Câu 4: C

Câu 5: (Lúc nhàn rồi, cậu nặn những con giống bằng đất sét trông y như thật)

Câu 6:

a) nở; cho

b) rục rờ; tung bưng

Câu 7: Nản chí.

B. Kiểm tra Viết

I. Chính tả: (5 điểm)

Bài viết không mắc lỗi (hoặc chỉ mắc 1 lỗi) chính tả; chữ viết rõ ràng, sạch sẽ, trình bày đúng đoạn văn: ghi 5 điểm.

Mỗi lỗi chính tả trong bài viết (sai - lẫn phụ âm đầu hoặc vần, thanh; không viết hoa đúng quy định): trừ 0,5 điểm.

Nếu chữ viết không rõ ràng; sai lẫn độ cao, khoảng cách, kiểu chữ hoặc trình bày bản: trừ 1 điểm cho toàn bài.

II. Tập làm văn: (5 điểm)

Bài được ghi điểm 5 phải bảo đảm các yêu cầu sau:

Viết được đoạn văn tả một đồ dùng học tập theo đề bài

Viết câu đúng ngữ pháp, dùng từ đúng, không mắc lỗi chính tả.

Chữ viết rõ ràng, trình bày bài viết sạch sẽ.

Tùy theo mức độ sai sót về ý, về diễn đạt và chữ viết, có thể ghi một trong các mức sau: 4.5 – 4.0 - 3.5 – 3.0 – 2.5 – 2.0 – 1.5 – 1.0 – 0.5.

Bài mẫu:

Năm nay em đã lên lớp Bốn. Do em phải học bài và làm nhiều bài tập về nhà, bố mẹ đã sắp xếp cho em một góc học tập ngăn nắp, thoáng mát. Đặc biệt hơn cả là cái bàn học xinh xắn đặt kê cửa sổ nhìn ra vườn cây xanh rợp bóng.

Bàn được làm bằng gỗ tạp, chưa phải là gỗ tốt nhưng nhờ được đánh véc-ni nên rất bóng loáng, cùng màu nâu sẫm như ghé và giá sách. Mặt bàn hình chữ nhật, bề dài đúng một sải tay em, bề rộng vừa đủ ba gang, hơi xuôi về phía em đặt ghé, tạo tư thế thoải mái khi em ngồi viết. Độ bóng của véc-ni càng làm nổi rõ những đường vân gỗ rất đẹp. Mép bàn phía trước có một đường rãnh dài, lõm xuống giúp em đựng bút, thước, tẩy... khỏi bị lăn xuống theo độ dốc của bàn. Bên dưới mặt bàn là một ngăn hộc khá rộng, em có thể kéo ra đóng vào dễ dàng khi nắm vào cái tay cầm bằng sắt. Trong ngăn hộc này, em đựng dụng cụ học môn kĩ thuật, bộ đồ dùng học toán, nhiều hộp phấn viết bảng trắng lẫn màu, thậm chí có cả mớ dây thun tết hình con rết, nắm sỏi tròn để chơi ô quan... Bốn chân bàn là những thanh gỗ vuông to và cứng cáp, các góc mép được bào nhẵn. Ba thanh gỗ dẹp hơn đóng thành hình chữ H ở chân bàn phía gần mặt đất giữ cho các chân bàn được vững vàng chắc chắn hơn.

Mỗi khi học xong em thường thu dọn sách vở và các thứ trên mặt bàn cho gọn ghẽ rồi lau bàn bằng khăn vải mềm. Không bao giờ em lơ đãng hay cố ý viết, vẽ bậy lên mặt bàn. Vì vậy mà dùng đã nửa năm bàn vẫn còn mới.

Em yêu quý cái bàn này lắm bởi ngày nào nó cũng cùng em học tập miệt mài. Áp má lên mặt bàn, em nghe mát rượi như có ngọn gió nào thổi từ khu rừng xa xưa nơi cây gỗ này sinh sống. Em tưởng như nghe được lời gió thì thầm nhắc nhở: "Cô chủ ơi, gắng học lên! Chúng tôi tin tưởng nhiều ở cô đấy nhé!".

Đề thi giữa học kì 1 lớp 4 năm 2020

[Bộ đề thi giữa học kì 1 lớp 4 năm 2020 - 2021 Có đáp án](#)

[Đề cương ôn tập giữa học kì 1 lớp 4 năm 2020 - 2021](#)

[Đề thi giữa kì 1 lớp 4 môn Toán năm 2020 - 2021](#)

[Đề thi giữa kì 1 lớp 4 môn Toán năm 2020 - 2021 - Đề 2](#)

[Đề thi giữa kì 1 lớp 4 môn Tiếng Việt năm 2020 - 2021](#)

[Đề thi giữa kì 1 lớp 4 môn Tiếng Việt năm 2020 - 2021 - Đề 2](#)